


PHỤ LỤC 17

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

ACETONE

Phiếu an toàn hóa chất	Logo của doanh nghiệp
Số CAS: 67-64-1 Số UN: 1090 Số đăng ký EC: 200-662-2 Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có) Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	 

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Tên thường gọi của chất: Acetone	Mã sản phẩm (nếu có)
Tên thương mại: Acetone	
Tên khác (không là tên khoa học): Dimethyl Keton	
Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: CÔNG TY TNHH TM DV XNK KHÁNH AN SÀI GÒN 30/17 Đường HT 31, KP01, P.Hiệp Thành, Quận 12, TP HCM Điện thoại: (08).6683.3399 – 6683.4499
Tên nhà sản xuất và địa chỉ:	
Mục đích sử dụng: Là chất làm sạch, dung môi cho nhựa và cao su, keo dán, là nguyên liệu trong dược phẩm....	

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Acetone	67-64-1	(CH ₃) ₂ CO	100

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...): nguy hiểm

Theo HMIS (Mỹ):

- Sức khỏe: 2
- Dễ cháy: 3
- Phản ứng: 0
- Bảo vệ cá nhân: H

(Mức bảo vệ cá nhân H bao gồm: Kính chống bắn tóe, găng tay, tạp dề bảo hộ, mặt nạ phòng độc)

Các thông tin về mức xếp loại nguy hiểm khác

Theo GHS :

Các chất lỏng dễ cháy, Loại 2

Tổn thương mắt nghiêm trọng/ kích thích mắt, Loại 2B

Độc tính tới các cơ quan đặc biệt của cơ thể (tiếp xúc một lần), Loại 3,

Các ảnh hưởng của ma túy.

Độc tính hô hấp, Loại 2

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc: Chất lỏng dễ cháy

- Các nguy hại sức khỏe: Rất nguy hiểm trong trường hợp tiếp xúc với da và mắt (gây kích ứng), uống hoặc hít phải

Độc hại khi tiếp xúc với da và mắt (ăn mòn).

Chất lỏng hoặc phun sương có thể gây tổn thương mô, đặc biệt niêm mạc mắt, miệng và đường hô hấp.

Tiếp xúc ngoài da có thể gây bỏng.

Hơi sương có thể gây kích thích đường hô hấp nghiêm trọng

- Ngăn ngừa

Không để ở nơi nhiệt độ cao/ gần nguồn lửa trần/ gần nơi có tia lửa / trên các bề mặt nóng.

Không hút thuốc lá.

Thùng chứa luôn được đóng chặt.

Nối dây tiếp đất cho công te nơ và thiết bị tiếp nhận.

Chỉ sử dụng các thiết bị điện/ thiết bị thông gió/ thiết bị chiếu sáng không phát tia lửa điện.

Chỉ sử dụng các dụng cụ không phát tia lửa.

Áp dụng các biện pháp chống hiện tượng phóng tĩnh điện.

Tránh vào môi trường có bụi hoặc hơi hoá chất.

Rửa tay thật kỹ sau khi sử dụng, mang vác, tiếp xúc với hoá chất.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc nơi thông thoáng.

Dùng găng tay, quần áo, kính, mạng che mặt phù hợp khi tiếp xúc với hoá chất

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Các dấu hiệu và triệu chứng kích ứng mắt có thể bao gồm cảm giác bỏng rát, đỏ mắt, phỏng rộp và/ hoặc mờ mắt.

- Đường thở: Hít phải khí có nồng độ cao có thể làm cho hệ thần kinh trung ương (CNS) bị tê liệt dẫn đến chóng mặt, choáng, đau đầu và nôn ói. Các dấu hiệu và triệu chứng khác của sự suy yếu hệ thần kinh trung ương (CNS) có thể bao gồm đau đầu, buồn nôn và mất khả năng điều khiển cơ thể. Tiếp tục hít có thể dẫn đến hôn mê và tử vong

- Đường da: Các dấu hiệu viêm da và các triệu chứng có thể bao gồm cảm giác bỏng rát và/ hoặc da khô/ nứt nẻ.

- Đường tiêu hóa: Nếu vật liệu đi vào phổi, các dấu hiệu và triệu chứng có thể bao gồm ho, ngạt thở, thở khò khè, khó thở, tức ngực, hụt hơi và/ hoặc sốt. Các dấu hiệu và triệu chứng kích ứng hô hấp có thể bao gồm một cảm giác bỏng tạm thời trên mũi và họng, ho và/ hoặc khó thở

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt): Thận trọng rửa mắt ngay bằng nước sạch. Tháo bỏ kính áp tròng nếu đang đeo và nếu thấy dễ dàng. Sau đó tiếp tục rửa mắt bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút trong khi giữ cho mí mắt hở. Chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất để có các chăm sóc tiếp theo

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da): Cởi bỏ ngay lập tức quần áo bị dính sản phẩm.



Rửa bộ phận bị dính bẩn với nước sạch (và xà phòng nếu có thể)

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí): Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí. Nếu không hồi phục nhanh chóng, chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất để có các điều trị tiếp theo. Giữ ngực nạn nhân ở tư thế thuận lợi cho hô hấp

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất): Ngay lập tức gọi trung tâm cấp cứu hoặc gọi bác sĩ. Không kích ứng gây nôn. Nếu nạn nhân nôn ói, giữ cho đầu thấp hơn hông để tránh hít vào

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. Xếp loại về tính cháy (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...): dễ cháy (loại 3)

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: CO, CO₂

3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát ...): Sự phóng tĩnh điện; lửa trần; tia lửa

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác : Bột chống cháy, phun nước hay sương. Chỉ sử dụng bột hóa chất khô, cacbon dioxit, cát hay đất.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: quần áo bảo hộ và mặt nạ thở

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Tuân theo tất cả các quy định tương ứng của địa phương và quốc tế. Tránh tiếp xúc với các vật liệu bị tràn đổ hay thất thoát. Vứt bỏ ngay lập tức trang thiết bị nhiễm bẩn. Cách ly khu vực nguy hiểm và không cho những người không có nhiệm vụ hay không được bảo vệ vào khu vực này. Đứng ở đầu gió và tránh những khu vực thấp. Ngăn chặn sự rò rỉ nếu có thể và không gây nguy hiểm. Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy nổ trong khu vực xung quanh. Sử dụng các vật liệu có khả năng hấp thụ (hấp thụ sản phẩm hay mức nước chữa cháy) để tránh làm nhiễm môi trường. Ngăn chặn sự lan rộng hay đi vào cống, rãnh hay sông bằng cách sử dụng cát, đất hay các vật chắn phù hợp khác. Cố gắng phân tán hơi hay hướng dòng của nó vào một vị trí an toàn, ví dụ như sử dụng bụi sương. Sử dụng các phương pháp khuyến cáo chống lại sự tích điện tĩnh. Đảm bảo sự liên tục của dòng điện bằng cách bọc và nối đất tất cả các thiết bị. Theo dõi khu vực với thiết bị báo khí dễ cháy. Phải thông báo cho chính quyền địa phương nếu không khống chế được lượng sản phẩm bị đổ tràn ra. Hơi có thể tạo thành một hỗn hợp có khả năng nổ với không khí.

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ: Đối với lượng hóa chất bị đổ ít (≤ 1 thùng), vận chuyển bởi các phương tiện cơ học tới thùng chứa có dán nhãn, niêm phong để thu hồi sản phẩm hoặc loại bỏ an toàn. Cho các chất cặn bay hơi hoặc ngâm với chất hấp thụ thích hợp và loại bỏ an toàn. Lấy đất bị ô nhiễm và loại bỏ an toàn

2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng: Đối với lượng hóa chất bị đổ lớn (> 1 thùng), vận chuyển bởi các phương tiện cơ học như xe bồn tới bồn chứa để thu hồi hoặc loại bỏ an toàn. Không rửa chất cặn với nước. Giữ lại những chất thải ô nhiễm. Cho các chất cặn bay hơi hoặc ngâm với chất hấp thụ thích hợp và loại bỏ an toàn. Lấy đất đã bị ô nhiễm và loại bỏ an toàn.

VII. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...):

Tránh hít phải hay tiếp xúc với chất này. Chỉ sử dụng ở những nơi thông gió tốt. Rửa sạch hoàn toàn sau khi xử lý. Sử dụng thông tin trong bảng dữ liệu này làm thông tin để đánh giá nguy cơ trong những trường hợp cụ thể nhằm xác định được cách kiểm soát thích hợp trong việc bảo quản, lưu trữ và thải bỏ

an toàn sản phẩm này.

Tránh hít phải khí và/ hoặc sương. Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo. Dập tắt mọi ngọn lửa trần. Không hút thuốc. Loại bỏ các nguồn gây cháy. Tránh các tia lửa. Tích tụ tĩnh điện có thể phát sinh trong quá trình bơm. Phóng tĩnh điện có thể gây cháy. Đảm bảo tính liên tục của dòng điện bằng cách nối và tiếp đất tất cả các thiết bị. Hạn chế tốc độ tuyến trong khi bơm để tránh phát sinh hiện tượng phóng điện ($\leq 1\text{m/giây}$ cho đến khi ống tiếp (bơm) ngập 2 lần đường kính của nó, sau đó $\leq 7\text{m/giây}$). Tránh để bắn tung tóe khi tiếp (bơm). Không sử dụng khí nén để tiếp (bơm), hút, hay xử lý tác nghiệp.

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...): Phải được cất chứa trong khu vực thông gió tốt, tránh xa ánh sáng mặt trời, các nguồn gây cháy và các nguồn nhiệt khác. Tránh xa các bình xịt, các nguyên tố dễ cháy, ôxy hóa, các chất ăn mòn và cách xa các sản phẩm dễ cháy khác mà các sản phẩm này không có hại hay gây độc cho con người. Hơi này nặng hơn không khí. Hãy cảnh giác sự tích tụ trong các hốc và không gian giới hạn. Các loại hơi trong thùng chứa không nên để thoát ra không khí. Sự ngưng thò nên được kiểm soát bằng một hệ thống xử lý hơi thích hợp. Thùng chứa khối lượng lớn nên được bao đắp xung quanh. Tích tụ tĩnh điện có thể phát sinh trong quá trình bơm. Phóng tĩnh điện có thể gây cháy. Đóng chặt dụng cụ chứa khi không sử dụng. Không sử dụng khí nén để đổ đầy, tháo ra hay xử lý.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc ...): Mức độ bảo vệ và cách thức kiểm soát cần thiết sẽ thay đổi tùy theo điều kiện phơi nhiễm tiềm ẩn. Lựa chọn cách thức kiểm soát dựa trên đánh giá rủi ro của hoàn cảnh tại chỗ. Các biện pháp thích hợp bao gồm: Tạo sự thông gió phù hợp trong các khu vực cất trữ. Sử dụng các hệ thống được lắp càng kín càng tốt. Sự thông gió chống nổ phù hợp để kiểm soát sự ngưng đọng trong không khí ở dưới hướng dẫn/ giới hạn sự tiếp xúc. Khuyến cáo nên có thông gió để thoát khí cục bộ

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

Trang bị bảo vệ cá nhân (PPE) phải thỏa mãn các tiêu chuẩn của quốc gia.

- Bảo vệ mắt: Kính bảo hộ chống bắn dính hóa chất (kính bảo hộ đơn).
- Bảo vệ thân thể: Sử dụng quần áo bảo hộ có khả năng kháng hóa chất đối với vật liệu này

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: chất lỏng	Điểm sôi ($^{\circ}\text{C}$): $-56,2^{\circ}\text{C}$
Màu sắc: Không màu, trong suốt	Điểm nóng chảy ($^{\circ}\text{C}$): $-95,35^{\circ}\text{C}$
Mùi đặc trưng: Mùi hăng nồng	Điểm bùng cháy ($^{\circ}\text{C}$) (Flash point) theo phương pháp xác định): -18°C
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: $24,7\text{ kPa}$ (tại 20°C)	Nhiệt độ tự cháy ($^{\circ}\text{C}$): 540°C
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn : $0,79\text{ g/cm}^3$	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): 13%
Độ hòa tan trong nước: tan hoàn toàn ở 20°C	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): 2%
Độ PH : không phù hợp	Tỷ lệ hóa hơi (nBuAC=1): $5,6$ (ASTM D 3539)
Khối lượng riêng (kg/m^3): 790 kg/m^3	Mật độ hơi (Không khí =1): 2 ở 20°C

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): Ổn định về mặt hóa chất: ổn định trong điều kiện sử dụng bình thường

2. Khả năng phản ứng:

- Các điều kiện cần tránh : Tránh đun nóng, tia lửa, các ngọn lửa mở và các nguồn gây cháy nổ khác
- Các vật liệu không tương thích : Các nguyên tố ôxi hóa mạnh
- Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm : Được cho là không có vấn đề gì xảy ra trong điều kiện sử dụng bình thường
- Độ nhạy đối với Điện tĩnh: Có, trong những hoàn cảnh nhất định sản phẩm có thể bốc cháy do điện tĩnh.
- Phản ứng trùng hợp: không có



XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Thành phần 1	LC, LD, PEL, Nồng độ tối đa cho phép...	mg/m ³	Da, hô hấp...	Chuột, thỏ...
Acetone	LD ₅₀	5.000 mg/kg	Miệng	Chuột
Acetone	LD ₅₀	5.000 mg/kg	Da	Thỏ

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...): Không được phân loại là chất gây ung thư theo OSHA, ACGIH

2. Các ảnh hưởng độc khác: Rất dễ cháy, Gây dị ứng cho mắt, tiếp xúc lặp đi lặp lại có thể gây khô da và nứt da, hơi Acetone có thể gây buồn ngủ và chóng mặt.

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Acetone	Cá		LC50 = 1000 mg/lit 96 giờ

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học: Dễ bay hơi và phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD: không có thông tin
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: không có
- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: không có

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ


1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp): Căn cứ theo quy định hiện hành Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007 và các văn bản hướng dẫn.

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải: không có thông tin

3. Biện pháp tiêu hủy: pha loãng với nước

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý: không có

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.	1090	Acetone	Loại 3	Nhóm III		Chưa có thông tin
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...	1090	Acetone	Loại 3	Nhóm III		Chưa có thông tin

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

- Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới** (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo): chưa có thông tin
- Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký:** chưa có thông tin
- Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ**
 - Tiêu chuẩn Việt Nam : TCVN 5507:2002
 - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;
 - - Thông tư 28/2010/TT-BTC ngày 28/06/2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa Chất và Nghị định 108/2008/NĐ-CP.
 - Thông tư 04/2012/TT-BCT ngày 13/02/2012 của Bộ Công Thương quy định về phân loại và ghi nhãn hóa chất

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 25/02/2015

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 28/04/2016

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: CÔNG TY TNHH TM DV XNK KHÁNH AN SÀI GÒN

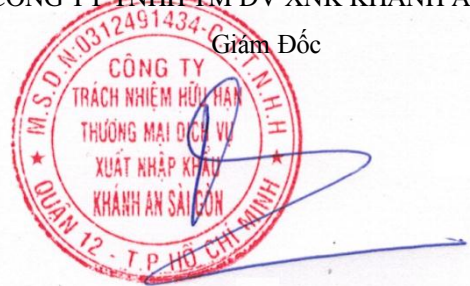
Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc

TM CÔNG TY TNHH TM DV XNK KHÁNH AN SÀI GÒN

Giám Đốc



Lê Hoàng Mi Sa